

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẠC LIÊU
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2017/HNGĐ-ST
Ngày 26 tháng 7 năm 2018
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẠC LIÊU, TỈNH BẠC LIÊU**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Thị Mỹ Hằng
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Đức Hòa
2. Bà Dư Thị Út

Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Văn Kép – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà Trần Mỹ Linh – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số : 216/2018/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng năm 2018 về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 42/2017/QĐXX-ST ngày 02 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Bùi N E, sinh năm 1981. (vắng mặt).

Địa chỉ: Khu tập thể CC, khóm D, phường P, thành phố V, tỉnh Bạc Liêu.

- Bị đơn: Chị K N, sinh năm 1986. (vắng mặt).

Địa chỉ: Số A khóm A, phường N, thành phố V, tỉnh Bạc Liêu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện đề ngày 21/5/2018 và các lời khai trong quá trình tố tụng tại Tòa án nguyên đơn anh E trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị N có tự nguyện tìm hiểu quen biết, tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán, chung sống như vợ chồng vào năm 2012, không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Quá trình sống chung bất đồng quan điểm, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, anh chị đã không còn sống chung từ tháng 9 năm 2013 đến nay. Nay anh yêu cầu ly hôn với chị N.

Về con chung: Quá trình chung sống anh và chị Lý Kim N có 01 con chung tên B, sinh ngày, hiện cháu B đang sống chung với anh, nay ly hôn thì anh yêu cầu tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Anh không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn chị N có ý kiến trình bày tại bản tự khai và các lời khai trong quá trình tố tụng tại Tòa án: Về quan hệ hôn nhân, thời gian chung sống như vợ chồng chị N đều có lời khai thống nhất như lời khai của anh E; quá trình sống chung chị và anh E không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Chị và anh E đã không còn tình cảm với nhau, cuộc sống chung không hạnh phúc, chị và anh E đã không

còn sống chung từ tháng 9 năm 2013 đến nay, nay anh E yêu cầu ly hôn với chị thì chị đồng ý.

Về con chung: Quá trình chung sống chị và anh E có 01 con chung tên B, sinh ngày, hiện cháu B đang sống chung với anh E, nay ly hôn chị đồng ý giao con chung cho anh E trực tiếp nuôi dưỡng.

Về tài sản chung và nợ: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu phát biểu quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật: Qua nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, từ khi thụ lý đến phiên tòa hôm nay Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng theo đúng quy định của pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án : Chị N và anh E chung sống với nhau từ năm 2012 nhưng không đăng ký kết hôn do vậy theo quy định tại khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị N và anh E. Về con chung: Đề nghị ghi nhận sự thỏa thuận của anh E và chị Ngân giao cháu B, sinh ngày cho anh E trực tiếp nuôi dưỡng, chị N không phải cấp dưỡng nuôi con do anh E không yêu cầu. Về tài sản chung và nợ chị N và anh E không có và không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, quan điểm phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu. Hội đồng xét xử nhận định nội dung vụ kiện như sau:

[1] Về tố tụng: Anh E yêu cầu ly hôn với chị N, đây là quan hệ tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chị N cư trú tại phường 3, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu nên Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu thụ lý giải quyết vụ án là đúng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn anh E và bị đơn chị N có đơn yêu cầu xin xét xử vắng mặt, nên căn cứ khoản 1 Điều 228; Điều 238 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh E và bị đơn chị N tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 2012, là sự kiện có xảy ra trên thực tế, được anh E và bị đơn chị N thừa nhận. Tuy nhiên, quá trình sống chung như vợ chồng anh E và bị đơn chị N không đăng ký kết hôn. Theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014: *“Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định thì không có giá trị pháp lý”* và khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014: *“Nam nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng”*. Đồng thời tại khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình

năm 2014 quy định: “Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại Khoản 1 Điều 14 của Luật này; nếu có yêu cầu về con và tài sản thì giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật này”.

Từ các căn cứ trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn anh Bùi Nghi Em, tuyên bố không công nhận anh Bùi Nghi Em và bị đơn chị Lý Kim Ngân là vợ chồng.

[3] Về con chung: Anh E và bị đơn chị N thống nhất xác định quá trình chung sống anh chị có 01 con chung tên B, sinh ngày, hiện cháu B đang sống chung với anh E. Sau khi ly hôn, anh E và bị đơn chị N thống nhất giao cháu B, sinh ngày cho anh E tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng. Anh E không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy, đây là sự tự nguyện thỏa thuận giữa anh E và bị đơn chị N về người trực tiếp nuôi dưỡng con chung, phù hợp theo quy định pháp luật nên ghi nhận sự thỏa thuận của chị N và anh E giao cháu B, sinh ngày cho anh E tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị N có quyền, nghĩa vụ thăm con chung không ai được quyền cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh E không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[4] Về tài sản chung: anh E và bị đơn chị N thống nhất xác định không có, nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5] Về nợ: anh E và bị đơn chị N thống nhất xác định anh chị không nợ ai và không ai nợ anh chị nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí : Nguyên đơn anh E phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch, theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a, khoản 5 Điều 27, Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 228; Điều 238 của Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015;

Áp dụng khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53; Điều 81 và Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu , miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận anh N E và chị L K N là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao cháu B, sinh ngày cho anh E trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. (Hiện cháu đang sống với anh E được giữ nguyên). Chị N có quyền, nghĩa vụ thăm con chung không ai được quyền cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh E không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung: Anh E và chị N không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ: Anh E và bị đơn chị N không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí: Anh E phải chịu toàn bộ án phí sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng). Anh E đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0008242 ngày 01/6/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bạc Liêu được chuyển thu án phí.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai, anh E và bị đơn chị N (vắng mặt tại phiên tòa) có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc niêm yết công khai.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VK SND thành Tp. Bạc Liêu;
- CCTHADS Tp. Bạc Liêu;
- Đương sự;
- Lưu.

Thị Mỹ Hằng

S